

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 22-3-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Lê Văn Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/HSST ngày 13-02-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HS ngày 09-3-2018 đối với các bị cáo:

1. Rơ Ông K, tên gọi khác: Bập V, sinh năm 1957 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn 11, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: M'Nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông K và bà K (*hai người đã chết*); có vợ là Yôkse K và 06 con; bị bắt tạm giam ngày 08-6-2017 đến ngày 06-11-2017 được tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị S; bị bắt tạm giam ngày 08-6-2017 đến ngày 07-9-2017 được tại ngoại; có mặt.

3. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị Kim C; có vợ là Nguyễn Thị H (**là chị ruột của hai bị cáo T, C**) và 02 con; bị cáo đang tại ngoại; có mặt.

4. Nông Văn H, sinh năm 1988 tại tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H và bà Phan Thị B; có vợ là Nông Thị M và 01 con; bị bắt tạm giam ngày 08-6-2017 đến ngày 07-9-2017 được tại ngoại; có mặt.

5. Nguyễn Văn C (là em ruột bị cáo T), sinh năm 1992 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị S; bị cáo đang tại ngoại; có mặt.

6. Nông Văn D, sinh năm 1985 tại tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L và bà Hoàng Thị L; có vợ là Hà Thị B và 03 con; bị bắt tạm giam từ ngày 08-6-2017 đến ngày 07-9-2017 được tại ngoại; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị cáo Rơ Ông K, Nông Văn H và Nông Văn D*: Ông Phạm Quang Long (có đơn xin xét xử vắng mặt) và ông Y'Lam (có mặt) - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Đường Lê Duẩn, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- *Nguyên đơn dân sự*: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn Q, chức vụ: Chủ tịch; người được ủy quyền: Ông Trần Anh N, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Yokse K; địa chỉ: Thôn 11, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Ngọc K; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện C, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì muốn có tiền tiêu xài nên Rơ Ông K nảy sinh ý định bán đất tại lô 8, 11, 17 khoảnh 6 Tiểu khu 1672 do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q quản lý nằm trên địa phận xã Q, huyện Đ, giáp với rẫy cà phê của Rơ Ông K. Do đó, khoảng cuối tháng 02/2017, Rơ Ông K nhờ anh Nguyễn Ngọc K giới thiệu người để bán đất, thì anh K giới thiệu Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1. Sau đó, Rơ Ông K đưa Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 đi xem khu đất tại lô 8, 11,

17 khoảnh 6 Tiểu khu 1672. Do thấy là rừng nên Nguyễn Văn T hỏi Rơ Ông K “Đất này chú làm chưa, sao còn rừng?” thì Rơ Ông K trả lời “Đất chú làm rồi, lâu không canh tác nên lồ ô đã mọc”; đồng thời Rơ Ông K cũng nói là mảnh đất này đang kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông giao lại cho người dân. Nghe Rơ Ông K nói vậy thì Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 đồng ý mua đất. Hai bên thống nhất khi nào Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 phát dọn toàn bộ cây cối trên đất thì mới đo để xác định diện tích mua bán, giá là 30.000.000 đồng/ha. Cuối tháng 3/2017, tại nhà rẫy của anh Nguyễn Ngọc K ở Tiểu khu 1672, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 đã đặt cọc cho Rơ Ông K số tiền 20.000.000 đồng và lập giấy tờ mua bán đất.

Khoảng 01 tuần sau, Nguyễn Văn T thuê Nguyễn Văn C vào Tiểu khu 1672 dùng dao phát chặt phá được diện tích rừng là 8.380 m². Sau đó do xảy ra mâu thuẫn với Nguyễn Văn T nên Nguyễn Văn C nghỉ không chặt phá rừng nữa. Sau khi Nguyễn Văn C nghỉ thì Nguyễn Văn T1 đến và cùng với Nguyễn Văn T tiếp tục chặt phá được diện tích rừng là 22.640 m² giáp với diện tích 8.380 m². Phá xong khu rừng trên, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 tiếp tục sang khu rừng đối diện chặt phá trong khoảng 04 ngày thì được diện tích 9.958 m².

Trong thời gian này qua sự giới thiệu của Nguyễn Văn T, Nông Văn H cũng thỏa thuận mua đất rừng với Rơ Ông K và đặt cọc số tiền 10.000.000 đồng. Lúc này Nguyễn Văn T gặp Nông Văn H đề nghị H chặt phá rừng cho Nguyễn Văn T trước, khi nào xong thì T sẽ chặt phá rừng cho H thì H đồng ý. Sau đó Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 và Nông Văn H chặt phá được diện tích rừng 10.070 m² giáp với diện tích 9.958 m².

Trong thời gian chặt phá rừng cho Nguyễn Văn T, Nông Văn H rủ Nông Văn D đi chặt phá rừng cho H thì D đồng ý và ngày 03-4-2017 D đến chỗ H. Do lúc này Nông Văn H đang chặt phá rừng cho Nguyễn Văn T nên H nói Nông Văn D chặt phá cùng thì D đồng ý. Ngày 06-4-2017, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nông Văn H và Nông Văn D chặt phá được diện tích 1.882 m². Ngày 07-4-2017, Nguyễn Văn T, Nông Văn H và Nông Văn D tiếp tục chặt phá được diện tích 4.262 m² thì bị phát hiện.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 07-4-2017 của Công an, Viện kiểm sát, Hạt kiểm lâm huyện Đắk Glong xác định: Diện tích rừng do Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nông Văn D, Nông Văn H hủy hoại và phải chịu trách nhiệm vào ngày 07-4-2017 là 4.262 m². Tại bản Kết luận giám định ngày 11-4-2017 của Giám định viên tư pháp thuộc Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Nông kết luận: Về

trạng thái rừng: Rừng lồ ô, trung bình. Về loại rừng: Rừng phòng hộ. Về mức độ thiệt hại về rừng: 100%. Giá trị thiệt hại tính bằng tiền là: 26.068.523 đồng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 13-6-2017 của Công an, Viện kiểm sát, Hạt kiểm lâm huyện Đắk Glong xác định: Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 51.048m². Hiện trường được chia làm 02 khu vực:

- Khu vực 01 có diện tích là 20.028 m², được chia làm 02 vị trí: Vị trí 01 có diện tích 9.958 m² (Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 hủy hoại và phải chịu trách nhiệm). Vị trí 02 có diện tích 10.070 m² (Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nông Văn H hủy hoại và phải chịu trách nhiệm).

- Khu vực 02 có diện tích là 31.020 m², được chia làm 02 vị trí: Vị trí 01 có diện tích 22.640 m² (Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 hủy hoại và phải chịu trách nhiệm). Vị trí 02 có diện tích 8.380 m² (Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C hủy hoại và phải chịu trách nhiệm).

Tại bản Kết luận giám định ngày 06-9-2017 của Giám định viên tư pháp thuộc Hạt kiểm lâm huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Khu vực 01: Về trạng thái rừng: Rừng hỗn giao (tre nửa - gỗ); về loại rừng: Rừng phòng hộ; về mức độ thiệt hại về rừng: 100%; về giá trị thiệt hại tính bằng tiền Việt Nam đồng: 41.874.542 đồng (trong đó: Vị trí 01 là 20.820.186 đồng; vị trí 02 là 21.054.356 đồng).

- Khu vực 02: Về trạng thái rừng: Rừng hỗn giao (tre nửa - gỗ); về loại rừng: Rừng phòng hộ. Trong đó: Vị trí 01 có 3.486 m² nằm trong quy hoạch 03 loại rừng; vị trí 02 có 4.342 m² nằm trong quy hoạch 03 loại rừng. Những diện tích còn lại nằm ngoài quy hoạch 03 loại rừng; về mức độ thiệt hại về rừng: 100%; giá trị thiệt hại tính bằng tiền là: 16.366.782 đồng (trong đó: Vị trí 01 là 7.288.528,8 đồng; vị trí 02 là 9.078.253,6 đồng).

Vật chứng của vụ án: 01 dao phát, lưỡi dao bị gãy dài 22cm, cán dao bị gãy liền khâu dao dài 18cm, đầu bằng; 01 dao phát, cán bằng gỗ dài 58cm, lưỡi dao bằng sắt dài 28cm, khâu dao dài 14cm, đầu quắm; 01 dao phát, cán bằng gỗ dài 69cm, lưỡi dao bằng thép dài 23cm, đầu bằng; 01 giấy giao nhận tiền mua bán đất. Đối với 02 dao phát do Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn C sử dụng để chặt phá rừng, sau đó làm mất, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong đã truy tìm nhưng không thu giữ được;

Trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại theo kết luận giám định là 84.309.000 đồng (làm tròn). Các bị cáo Rơ Ông K, Nông Văn H, Nông Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn

T1 và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng, tổng số tiền đã bồi thường là 30.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 14/Ctr-VKS ngày 06-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nông Văn H và Nguyễn Văn T1 về tội "Hủy hoại rừng", theo điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố Nguyễn Văn C và Nông Văn D về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nông Văn H và Nguyễn Văn T1, xử phạt bị cáo Rơ Ông K từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Nông Văn H và Nguyễn Văn T1 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với Nguyễn Văn C và Nông Văn D, xử phạt hai bị cáo mỗi bị cáo từ 09 đến 11 tháng tù;

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 dao phát, lưỡi dao bị gãy dài 22cm, cán dao bị gãy liền khâu dao dài 18cm, đầu bằng; 01 dao phát, cán bằng gỗ dài 58cm, lưỡi dao bằng sắt dài 28cm, khâu dao dài 14cm, đầu quắm; 01 dao phát, cán bằng gỗ dài 69cm, lưỡi dao bằng thép dài 23cm, đầu bằng do các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại theo kết luận giám định với số tiền là 84.309.000 đồng, các bị cáo đã bồi thường tổng số tiền là 30.000.000 đồng, tại phiên tòa Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q và các bị cáo đã thỏa thuận các bị cáo Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 và Nông Văn H liên đới bồi thường số tiền còn lại cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q nên căn cứ vào khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 587, 589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 và Nông Văn H phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q số tiền là 54.309.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo không bào chữa về hành vi phạm tội của mình mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Rơ Ông K, Nông Văn H và Nông Văn D cơ bản đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhưng đề nghị Hội

đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất, đối với bị cáo D cần áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Cuối tháng 3/2017, Rơ Ông K đã bán khu rừng phòng hộ thuộc lô 11 khoảnh 6 Tiểu khu 1672 do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q quản lý nằm trên địa phận xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 và Nông Văn H; Rơ Ông K thỏa thuận để Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 phát dọn toàn bộ cây cối trên đất thì mới đo để xác định diện tích mua bán. Do đó từ cuối tháng 3/2017 đến ngày 07-4-2017, Nguyễn Văn T đã thuê và nhờ Nguyễn Văn C, Nông Văn H; Nông Văn H nhờ Nông Văn D cùng với Nguyễn Văn T1 hủy hoại 32.118 m² rừng phòng hộ (thiệt hại 100%), thiệt hại tính bằng tiền là 84.309.000 đồng. Trong đó diện tích rừng **Rơ Ông K và Nguyễn Văn T đã hủy hoại và phải chịu trách nhiệm là 32.118m²**; diện tích rừng **Nguyễn Văn T1 đã hủy hoại và phải chịu trách nhiệm là 23.514m²**; diện tích rừng **Nông Văn H đã hủy hoại và phải chịu trách nhiệm là 14.332m²**; diện tích rừng **Nguyễn Văn C đã hủy hoại và phải chịu trách nhiệm là 4.342m²**; diện tích rừng **Nông Văn D đã hủy hoại và phải chịu trách nhiệm là 4.262m²**.

Hành vi nêu trên của Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nông Văn H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C và Nông Văn D đã phạm tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do chính sách pháp luật thay đổi, thì hành vi phạm tội của Nguyễn Văn C và Nông Văn D thuộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù thấp hơn so với điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều luật có lợi cho hai bị cáo. Vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện

Đắc Glong truy tố các bị cáo Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nông Văn H về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố Nguyễn Văn C và Nông Văn D về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

...

b) Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;”

Tại Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Rừng phòng hộ có diện tích 3.000 mét vuông (m^2) đến dưới 7.000 mét vuông (m^2);”

[3] Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến tài nguyên quốc gia, xâm hại đến sự bền vững của môi trường sinh thái; gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về môi trường, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những biến đổi bất thường về khí hậu nhất là trong tình hình hiện nay diện tích rừng đang ngày càng suy giảm bởi nhiều nguyên nhân trong đó có việc chặt phá rừng trái phép, thì việc bảo vệ rừng có ý nghĩa duy trì sự ổn định của môi trường và khí hậu cũng như để phát triển bền vững về môi trường sinh thái. Tuy nhiên, các bị cáo không nhận thức được điều đó, chỉ vì mục đích lấy đất làm rẫy mà các bị cáo hủy hoại rừng nên cần áp dụng một hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo thì mới có tác dụng răn đe cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm đơn giản, bị cáo Rơ Ông K là người khởi xướng, các bị cáo T, T1, H, C, D đều là người thực hành, trong đó các bị cáo C và D là người làm thuê nên cần phân hóa hành vi các bị cáo và căn cứ vào diện tích rừng các bị cáo đã hủy hoại để đề ra mức hình phạt phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; bị cáo Rơ Ông K, Nông Văn H và Nông Văn D là người đồng bào dân tộc thiểu số; sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bồi thường một phần thiệt hại cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Cần phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nông Văn H để sung quỹ Nhà nước; đối với hai bị cáo Nguyễn Văn C và Nông Văn D là người làm thuê nên không phạt bổ sung là phù hợp.

[6] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 dao phát, lưỡi dao bị gãy dài 22cm, cán dao bị gãy liền khâu dao dài 18cm, đầu bằng; 01 dao phát, cán bằng gỗ dài 58cm, lưỡi dao bằng sắt dài 28cm, khâu dao dài 14cm, đầu quắm; 01 dao phát, cán bằng gỗ dài 69cm, lưỡi dao bằng thép dài 23cm, đầu bằng do các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội; Đối với giấy giao nhận tiền mua bán đất tiếp tục lưu hồ sơ vụ án. Đối với 02 dao phát do Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn C sử dụng để chặt phá rừng, sau đó làm mất Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên không xem xét.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng do Rơ Ông K bán đất rừng, hiện đã trả lại cho T và H nên không đề cập.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q yêu cầu các bị cáo phải bồi thường với số tiền theo cơ quan chuyên môn đã định giá về giá trị thiệt hại là 84.309.000 đồng, các bị cáo đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q thỏa thuận: Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nông Văn H bồi thường số tiền còn lại là 54.309.000 đồng nên căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 587, 589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Rơ ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nông Văn H phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q số tiền 54.309.000 đồng; theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 13.577.000 đồng (làm tròn).

[8] Đối với diện tích đất nằm ngoài quy hoạch 03 loại rừng, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì caùc leõ treân;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nông Văn H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C và Nông Văn D phạm tội “Hủy hoại rừng”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Rơ Ông K 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08-6-2017 đến ngày 06-11-2017.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08-6-2017 đến ngày 07-9-2017.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nông Văn H 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08-6-2017 đến ngày 07-9-2017.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.5. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 04 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.6. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nông Văn D 03 tháng 15 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08-6-2017 đến ngày 07-9-2017.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung các bị cáo Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nông Văn H mỗi bị cáo 4.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 dao phát, lưỡi dao bị gãy dài 22cm, cán dao bị gãy liền khâu dao dài 18cm, đầu bằng; 01 dao phát, cán bằng gỗ dài 58cm, lưỡi dao bằng sắt dài 28cm, khâu dao dài 14cm, đầu quắm; 01 dao phát, cán bằng gỗ dài 69cm, lưỡi dao bằng thép dài 23cm, đầu bằng do các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội; Đối với giấy giao nhận tiền mua bán đất tiếp tục lưu hồ sơ vụ án. Đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao ngày 12-2-2018 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 587, 589 Bộ luật Dân sự, chấp nhận việc các bị cáo đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, buộc các bị cáo Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 và Nông Văn H phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q số tiền 54.309.000 đồng, theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 13.577.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nông Văn H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C và Nông Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; buộc các bị cáo Rơ Ông K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 và Nông Văn H mỗi bị cáo phải chịu 679.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh